

Số: /TTr-UBND *Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022*

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp
thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Tỉnh

Thực hiện Chương trình làm việc của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ủy ban nhân dân Tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân Tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;

Luật số 28/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Luật số 35/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch.

Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;

Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 05 tháng 08 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 đã được Quốc hội khoá XIV đã thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 với nhiều nội dung mang tính cải cách, đổi mới quan trọng, hướng đến việc xây dựng quy hoạch tích hợp, đa ngành phù hợp với kinh tế thị trường, chú trọng nhiều hơn đến khía cạnh không gian trong quản lý phát triển, đặc biệt là tính liên kết về không gian phát triển.

Để tiếp tục phát huy các tiềm năng, lợi thế mới của tỉnh, đồng thời tranh thủ và tận dụng tốt các xu thế phát triển của thế giới, thực hiện đúng theo quy định của Luật Quy hoạch, tỉnh Đồng Tháp cần thiết phải lập “Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Đây là công cụ quan trọng để tỉnh Đồng Tháp định hướng, điều hành và quản lý mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, phát triển không gian lãnh thổ trên địa bàn Tỉnh trong thời kỳ tới.

Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở pháp lý quan trọng để quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội; làm cơ sở để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công của Tỉnh; sớm đưa vị thế phát triển của Đồng Tháp thành một trong những tỉnh dẫn đầu của vùng đồng bằng sông Cửu Long có kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn theo hướng hiện đại, văn minh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Đánh giá toàn diện những kết quả đạt được và những hạn chế yếu kém trong việc thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh giai đoạn 2011-2020.

- Xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

- Xác định và giải quyết hài hòa các vấn đề chính trong phát triển của Tỉnh: hệ sinh thái, môi trường, văn hóa xã hội, phát triển kinh tế, hệ thống hạ tầng, cơ chế chính sách

- Quy hoạch là một công cụ quản lý, nhưng đồng thời là một công cụ để thu hút đầu tư, liên kết Vùng và công cụ quảng bá thương hiệu của Tỉnh.

- Tích hợp, đồng bộ và cụ thể hóa các định hướng tổ chức không gian và phát triển các ngành, lĩnh vực, các địa phương trên lãnh thổ Tỉnh được đề ra ở các quy hoạch cấp trên. Là nền tảng để triển khai các quy hoạch ngành, có tính chất kỹ thuật, cấp dưới đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, kết nối giữa các hệ thống quy hoạch.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐTTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch,

Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 và Công văn hướng dẫn số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy hoạch tỉnh Đồng Tháp được lập theo phương pháp tích hợp được kết cấu thành 15 phần, cụ thể như sau:

- Tổng quan về tỉnh Đồng Tháp;
- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh;
- Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;
- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển;
- Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng;
- Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;
- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng;
- Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai;
- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên;
- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
- Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;
- Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên đầu tư;
- Giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Quan điểm

- Biến thách thức thành cơ hội: lịch sử phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), cũng như Đồng Tháp, cho thấy sự giảm sút của tiềm năng, với những thách thức mới, có thể dẫn tới những bước ngoặt theo chiều hướng xấu. Do đó, bên cạnh việc phát huy một cách hiệu quả nhất các điều kiện tự nhiên để tăng trưởng kinh tế, song hành với việc biến các thách thức thành động lực để chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng gia tăng hiệu quả và giá trị. Phát triển vốn xã hội - con người đảm bảo mang lại lợi ích kinh tế và tăng trưởng lâu dài.

- Tập trung vào phát triển hạ tầng: tập trung phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu, có ý nghĩa quan trọng cấp quốc gia, cấp vùng như giao thông, năng lượng, cấp nước sạch và kết cấu hạ tầng phục vụ việc chuyển đổi mô hình phát triển của Vùng.

- Phát triển bền vững: quan điểm tổng thể về phát triển vùng Tỉnh trong thời kỳ tiếp theo là phải duy trì vai trò nguồn sống của môi trường, lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi và chú trọng phát triển văn hóa, xã hội để đảm bảo phát triển bền vững. Thuận thiên là tiếp cận thích ứng với BĐKH đảm bảo PTBV có kiểm soát. Đồng thời, sự phát triển bền vững cốt lõi dựa trên yếu tố con người là trung tâm mang giá trị hạnh phúc trong cuộc sống.

- Phát triển tập trung: chuyển đổi mô hình phát triển từ phân tán, nhỏ lẻ sang phát triển theo hướng tập trung hơn thông qua phát triển cụm ngành kinh tế nông nghiệp và vùng đô thị hoá, công nghiệp hoá hiện đại nhằm tạo sự phát triển bứt phá cho vùng, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Liên kết vùng: sự liên kết phát triển giữa các địa phương trong vùng chưa chặt chẽ và đôi khi còn cạnh tranh, mâu thuẫn với nhau. Điều này đã làm giảm đáng kể nỗ lực phát triển của vùng. Do vậy, cần xác định những các định hướng và ưu tiên phát triển cho toàn vùng và từng tiểu vùng, nhằm tạo cơ sở để các địa phương có phương hướng để tăng cường liên kết vùng, cùng hướng tới mục tiêu phát triển chung.

2. Mục tiêu tổng quát

2.1. Đến năm 2030

- Huy động tất cả tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để đưa Đồng Tháp phát triển cân bằng, toàn diện và bền vững. Nông nghiệp đổi mới là động lực chủ yếu cho tăng trưởng, chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, đưa Đồng Tháp trở thành một trong những trung tâm sản xuất và chế biến nông sản quan trọng của vùng.

- Thu hẹp khoảng cách phát triển và tạo ra lợi thế cạnh tranh mới thông qua các giá trị gia tăng chủ đạo trong tương lai: nông nghiệp công nghệ cao, chế biến chế tạo, năng lượng tái tạo, công nghiệp dược, công nghiệp kỹ thuật cao. Trong đó, phát triển công nghiệp chế biến rau củ quả, công nghiệp vật liệu xây dựng, phát triển năng lượng tái tạo là các mũi đột phá, hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ giúp Đồng Tháp thu hút nguồn nhân lực có chất lượng; từ một vùng nông nghiệp khuất nẻo trở thành một điểm đến của chuỗi giá trị kinh tế nông nghiệp bền vững.

- Phát triển thương mại – dịch vụ theo hướng phát huy hiệu quả của chuỗi giá trị nguyên liệu - chế biến - kho vận - thương mại - xuất khẩu phục vụ phát triển cụm liên ngành trên các hành lang kinh tế. Phát huy lợi thế phát triển thương mại biên giới với Campuchia thông qua các khu kinh tế cửa khẩu. Phát triển các trung tâm đầu mối, hỗ trợ dịch vụ, thương mại cấp tiểu vùng nằm ở các đô thị trọng điểm, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hình thành các cụm dịch vụ hiệu quả cao.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đô thị đầu tư đồng bộ, hiện đại. Khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức được phát huy, trở thành nhân tố chủ yếu đóng góp cho nâng cao chất lượng tăng trưởng; phát triển mạnh

nguồn nhân lực chất lượng cao. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của cả nước; đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của nhân dân được nâng lên; mở rộng hợp tác, hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới; xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc.

- Đến năm 2030, tỉnh Đồng Tháp trở thành địa phương có trình độ phát triển khá với các chỉ số phát triển đạt trên mức trung bình của cả nước, đặc biệt hướng đến mục tiêu dẫn đầu cả nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp có lợi thế.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2050

- Tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Đồng Tháp trở thành một trong số các địa phương tiên phong trong đổi mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, mở ra cơ hội phát triển cho các lĩnh vực kinh tế mới: kinh tế sinh thái, kinh tế nước ngọt, nông nghiệp thích ứng, vận tải đa phương thức, chăm sóc sức khỏe,...

- So với các tỉnh khác trong vùng ĐBSCL, Đồng Tháp có ưu thế là một trong những tỉnh ít chịu ảnh hưởng về các điều kiện thời tiết cực đoan và Biến đổi khí hậu trong dài hạn. Bên cạnh đó, Đồng Tháp là tỉnh đầu nguồn của vùng ĐBSCL, đóng vai trò rất quan trọng trong an ninh nguồn nước cho cả vùng đồng bằng. Đến năm 2050, bên cạnh sự trù phú về kinh tế, giao thương thuận tiện, con người nhân ái,... Đồng Tháp còn là một trong những Tỉnh hạnh phúc của vùng với các tiêu chí hướng đến sự cân bằng, hài hòa và bền vững. Hình ảnh đại diện đặc trưng của Tỉnh chính là một khu vườn đầu nguồn sông Cửu Long: nơi có những dòng sông tưới mát ruộng vườn, luân chuyển tuần hoàn sự giàu có của thiên nhiên đến con người, doanh nghiệp và toàn xã hội; nơi có hệ thống đô thị hiện đại - thân thiện, giao thông thuận lợi, hạ tầng công nghệ tiên tiến để kết nối thuận tiện về hàng hóa và di chuyển, thông tin với các vùng khác; quan trọng nhất chính là một nơi chốn để mỗi người dân Đồng Tháp và du khách tìm thấy “hạnh phúc” của riêng mình.

3. Chỉ tiêu chủ yếu

Quy hoạch đề ra 16 nhóm chỉ tiêu phân đầu, gồm:

- Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 7 – 7,5%/năm.

(2) Quy mô nền kinh tế đến năm 2030 tăng khoảng 2,5 lần so với năm 2021.

(3) Cơ cấu GRDP năm 2030: ngành công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 26,5%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 22,1%; ngành dịch vụ chiếm khoảng 43%; thuế và trợ cấp chiếm khoảng 8,4% trong cơ cấu kinh tế.

(4) GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 160 triệu đồng/người/năm.

- Về xã hội:

(5) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65%.

(6) Tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp đạt 65%.

(7) Tỷ lệ giảm hộ nghèo giai đoạn 2021-2030 bình quân 0,32%.

(8) Tỷ lệ Cơ sở giáo dục đạt chuẩn: 75% mầm non, 70% tiểu học, 80% trung học cơ sở, 90% trung học phổ thông.

(9) Đạt 32 giường bệnh trên 10.000 dân.

(10) Đạt 12 bác sĩ trên 10.000 dân.

(11) Đạt >3,04 dược sĩ đại học trên 10.000 dân.

(12) Đạt 26 điều dưỡng viên trên 10.000 dân.

- Về môi trường:

(13) Tỷ lệ sử dụng nước sạch đối với dân cư thành thị đạt 99,9%, đối với dân cư nông thôn đạt > 98%.

(14) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị và công nghiệp đạt 100%.

- Về không gian và kết cấu hạ tầng:

(15) Tỷ lệ đô thị hoá năm 2030 đạt khoảng 48%.

(16) 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 50% số xã đạt chuẩn nâng cao.

4. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu

4.1. Phát triển nông nghiệp và nông thôn

- Nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, là trụ đỡ của nền kinh tế, đặc biệt là bảo đảm an ninh lương thực, góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của địa phương. Tiếp tục phát huy ưu thế của tỉnh (đất nước, lao động trong điều kiện biến đổi khí hậu) về sản xuất nông nghiệp làm động lực phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả và bền vững trên nền tảng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy “làm kinh tế nông nghiệp”, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp theo chiều sâu và bảo vệ môi trường. Phát triển nông nghiệp đồng bộ gắn với xây dựng nông thôn mới, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao chuỗi giá trị sản xuất và cải thiện môi trường sinh thái là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững nông nghiệp.

- Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực tự nhiên - kinh tế - xã hội, trước hết là lao động, đất đai và rừng; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

- Phát triển sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn các ngành hàng chủ lực của tỉnh theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao, gắn với chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, đảm bảo hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn, hạ tầng vùng chuyên canh; đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

- Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên nông nghiệp, lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của người dân làm mục tiêu hàng đầu cho phát triển trong tương lai.

- Phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân; phát triển thế mạnh về nền tảng và kinh nghiệm xây dựng hệ thống công nghiệp chế biến nông sản, hệ thống tổ chức cộng đồng, nhất là các hội quán, đội ngũ cán bộ có tư duy mới và có quyết tâm mới sau một thời kỳ đổi mới cơ cấu nông nghiệp thành công; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

4.2. Phát triển công nghiệp – xây dựng

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển ngành công nghiệp; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, sáng tạo để khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, sinh viên, trí thức.

- Triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0 và thực tiễn phát triển của Tỉnh; tạo môi trường thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng giữa nền kinh tế chia sẻ với mô hình kinh doanh dịch vụ truyền thống.

- Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của Tỉnh để đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng tập trung, quy mô, nâng cao hàm lượng công nghệ trong sản phẩm sản xuất, cải thiện sức cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ ra ngoài Tỉnh.

- Tập trung thành lập và đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để có quỹ đất sạch thu hút đầu tư; phát triển dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ hậu cần công nghiệp ven sông Tiền, sông Hậu, kênh xáng Lấp Vò - Sa Đéc, khu vực Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (huyện Hồng Ngự, thành phố Hồng Ngự, huyện Tân Hồng) và khu vực Đồng Tháp Mười phù hợp với xu hướng xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông thủy sản gắn với các vùng sản xuất tập trung; tiếp tục đầu tư phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Tỉnh; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với hoạt động dịch vụ du lịch và bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống.

- Tổ chức đào tạo nghề, mở các lớp truyền nghề nâng cho các cơ sở tiểu thủ công nghiệp hiện có, đồng thời chuẩn bị nguồn nhân lực có tay nghề cho các dự án công nghiệp sắp sửa hoàn thành.

- Phát triển kinh tế xanh, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo thay thế năng lượng truyền thống.

4.3. Phát triển thương mại - dịch vụ

- Phát triển hệ thống thương mại trên địa bàn tỉnh văn minh hiện đại, đồng bộ giữa thương mại nội Tỉnh với phát triển hệ thống thương mại đầu mối - trung chuyển - phát luồng giữa vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long theo hướng phát huy hiệu quả của chuỗi giá trị nguyên liệu - chế biến - kho vận - thương mại - xuất khẩu phục vụ phát triển cụm liên ngành trên các hành lang kinh tế. Chú trọng liên kết vùng để phát triển thương mại, mở rộng giao thương trên phạm vi toàn quốc và các quốc gia trong vùng ASEAN.

- Phát triển các trung tâm đầu mối, hỗ trợ dịch vụ, thương mại cấp tiểu vùng nằm ở các đô thị trọng điểm, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hình thành các cụm dịch vụ hiệu quả cao; hình thành trung tâm logistic phục vụ chế biến gạo.

- Phát triển khu kinh tế cửa khẩu với 02 cửa khẩu quốc tế là Thường Phước (huyện Hồng Ngự) và Dinh Bà (huyện Tân Hồng) trở thành một cực tăng trưởng kinh tế năng động và bền vững của Tỉnh, khu kinh tế cửa khẩu tích hợp đa mục tiêu gồm kinh tế, an ninh - quốc phòng; xây dựng cơ chế để phát triển các khu thương mại phi thuế quan. Xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư khu vực biên giới, chính sách thu hút người dân sinh sống tại biên giới và tạo việc làm.

- Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao như logistics và vận tải, công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch

vụ du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; hướng tới hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại, đảm bảo khai thác tốt các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, xây dựng thương hiệu địa phương và đáp ứng chuẩn kỹ thuật xuất khẩu.

- Phát triển kinh tế số, thương mại điện tử dựa vào tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong vùng, tăng cường áp dụng công nghệ, chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh liên kết vùng, hình thành mạng lưới ABCD Mê Kông - An Giang, Bến Tre, Cần Thơ và Đồng Tháp, kết nối mạng lưới thương mại dịch vụ, phát triển thương hiệu sản phẩm và hỗ trợ doanh nghiệp.

4.4. Phát triển lĩnh vực giáo dục - đào tạo

- Phân đầu xây dựng tỉnh Đồng Tháp thành xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 cấp Tỉnh theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh việc xây dựng cộng đồng học tập cấp xã tại các địa phương; tiếp tục thực hiện Đề án đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng trong giai đoạn 2021 – 2030.

- Đặc biệt, thành phố Sa Đéc tiếp tục duy trì và phát triển mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu”; xem xét, đăng ký đối với thành phố Cao Lãnh và thành phố Hồng Ngự tham gia mạng lưới.

- Xây dựng, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non theo hướng chuẩn hóa về cơ sở vật chất, gồm phòng học chung, phòng chức năng có đủ trang thiết bị, đồ chơi, sân chơi theo quy định và về năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của đội ngũ giáo viên. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ về cả mặt thể chất, trí tuệ, tình cảm xã hội đặc biệt chú ý đến công tác giáo dục trẻ khuyết tật hòa nhập. Phát triển các cơ sở giáo dục mầm non theo hình thức công lập là chủ yếu. Khuyến khích phát triển các trường mầm non tư thục chất lượng cao, tập trung ở khu vực đô thị.

4.5. Phát triển lĩnh vực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh; là nền tảng và động lực then chốt để thực hiện tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bút phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh.

- Đẩy mạnh đóng góp của Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh, thông qua việc: (i) chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế của tỉnh Đồng Tháp, (ii) đổi mới

chính sách về đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động và năng suất vốn.

4.6. Phát triển lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển hệ thống y tế tỉnh Đồng Tháp phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng phát triển hệ thống y tế Tỉnh và cả nước.

- Phát triển đồng bộ, toàn diện hệ thống y tế của tỉnh theo hướng từng bước hiện đại và bền vững, đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến.

- Phát triển sự nghiệp chăm sóc sức khỏe Nhân dân theo hướng dự phòng tích cực. Đẩy mạnh hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế hướng đến phát triển bảo hiểm y tế toàn dân.

- Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Duy trì mức sinh hợp lý theo quy mô gia đình ít con (có 01 hoặc 02 con).

4.7. Phát triển lĩnh vực văn hóa - thông tin - thể dục thể thao

- Phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, chiến lược, quy hoạch phát triển ngành văn hoá - thể thao quốc gia.

- Xây dựng môi trường văn hóa, thể thao một cách toàn diện từ gia đình đến cộng đồng dân cư. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn Tỉnh, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

- Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc nói chung và nhân dân tỉnh Đồng Tháp nói riêng, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng vươn lên, khát vọng phát triển và xây dựng quê hương của người dân Đồng Tháp, nâng tầm nhận thức của người dân Đồng Tháp trở thành nền tảng tinh thần, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh theo hướng hiệu quả, bền vững trong bối cảnh phát triển mới của đất nước, của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý các lĩnh vực văn hóa, thể thao; tạo môi trường hoạt động tốt hơn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; từng bước xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp.

- Phát triển thể thao thành tích cao, tập trung vào các môn thể mạnh, môn thể thao Olympic. Tăng cường tổ chức cho các vận động viên tham gia thi đấu các giải trong nước và quốc tế.

- Gắn kết chặt chẽ những hoạt động văn hóa, thể thao với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với khu vực: Đô thị, vùng nông thôn, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số,... và phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần xây dựng Đồng Tháp thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Tập trung tu bổ di tích; nâng cấp, phát huy văn hóa phi vật thể, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian; gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với thể thao; tiếp tục củng cố, mở rộng liên kết với du lịch.

4.8. Thực hiện chính sách lao động và xã hội

- Tiếp tục nâng cao trình độ học vấn của nhân lực. Củng cố, nâng cao mức độ đạt chuẩn của các trường dạy nghề phù hợp với tình hình và xu thế phát triển của đất nước.

- Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân lực, nhân tài có trình độ một cách hiệu quả, tăng tỷ trọng lao động cho khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Ưu tiên phát triển đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Tiếp tục giải quyết việc làm hàng năm cho lao động. Đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ kinh phí học nghề, xử lý rủi ro, tăng mức cho vay tín dụng ưu đãi cho lao động tham gia, nhất là với các đối tượng chính sách. Tập trung đầu tư, phát triển các hoạt động thông tin, dự báo thị trường lao động.

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận chính sách trợ giúp về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, đào tạo nghề, tạo việc làm. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo, khá giả.

- Phát triển mạnh các hoạt động an sinh xã hội; thực hiện tốt các chính sách xã hội, vận động toàn dân tham gia các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, chăm sóc người có công với đất nước, đảm bảo đời sống ngang bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình nơi cư trú; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo để hỗ trợ những người yếu thế, nghèo khó trong xã hội, tạo thuận lợi cho họ tự vươn lên hoà nhập cộng đồng.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85% trong tổng số lao động, trong đó đào tạo nghề đạt 65%. Tiếp tục duy trì công tác giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,32%/năm theo chuẩn nghèo đa chiều, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều <2%.

4.9. Đảm bảo Quốc phòng - An ninh

- Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội

ngũ công an xã chính quy. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung giải quyết hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài.

5. Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật

5.1. Phương án phát triển giao thông vận tải

- Hệ thống quốc lộ: tiếp tục phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ các trục giao thông quốc lộ, cao tốc.

- Hệ thống đường tỉnh: phát triển các trục giao thông đường tỉnh theo các hướng Bắc - Nam, Đông - Tây tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn giữa các vùng, khu vực trong Tỉnh, kết nối với hệ thống quốc lộ. Tiếp tục đầu tư, hoàn thành các công trình trọng điểm. Đến năm 2030, các tuyến đường Tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV.

- Hệ thống giao thông đô thị: tập trung một số tuyến giao thông có tính chất quan trọng cho sự phát triển thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự, huyện Tam Nông và một số huyện, ưu tiên cho các tuyến tránh đô thị và đường kết nối. Quỹ đất dành cho giao thông đô thị $\geq 16\%$ trên tổng diện tích đất xây dựng đô thị.

- Hệ thống đường huyện: đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, kết nối giao thông tỉnh, quốc lộ với các địa phương và đường xã, liên xã, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2030, 100% đường huyện được cứng hóa, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V.

- Hệ thống đường giao thông nông thôn: gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Phát triển giao thông nông thôn một cách bền vững, tạo sự gắn kết, liên hoàn, thông suốt từ mạng lưới giao thông quốc gia đến mạng lưới giao thông nông thôn, giữa các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn, vùng nguyên liệu với các điểm công nghiệp chế biến, giữa sản xuất - chế biến và tiêu thụ, kết hợp giữa kinh tế với an ninh, quốc phòng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh và nhu cầu đi lại, giao thương, trao đổi hàng hóa của nhân dân. Đến năm 2030, 70% các tuyến đường xã được cứng hóa, đạt tối thiểu cấp VI.

- Hệ thống đường thủy: phát triển đường thủy đa mục tiêu, vừa đảm bảo nhu cầu vận tải hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh, vừa đảm bảo phục vụ phát triển du lịch, nghỉ dưỡng... vừa phối hợp với ngành thủy lợi đảm bảo nhu cầu nước tưới tiêu, sinh hoạt và dự trữ nước cho vùng ĐBSCL.

- Hệ thống công trình phục vụ vận tải: đầu tư nâng cấp và xây mới các mạng lưới bến xe khách, nhà chờ, điểm dừng, bến xe hàng hoá, cảng hàng khách, bến tàu khách, cảng thủy nội địa, bến hàng hoá tổng hợp, cảng cạn

(ICD), kho hàng, điểm tập kết, trung tâm logistics điều phối, trung chuyển để đảm bảo trật tự an toàn giao thông và phục vụ nhu cầu bảo dưỡng phương tiện.

5.2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Sản lượng điện thương phẩm đến năm 2025 đạt 3.998 triệu kWh, tăng trưởng bình quân 9,5% năm, trong đó công nghiệp 2.096 triệu kWh, chiếm tỷ trọng 52,43%/ tổng sản lượng điện.

- Phát triển lưới điện truyền tải phải đồng bộ tiến độ đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt được hiệu quả đầu tư chung của hệ thống điện quốc gia và khu vực; phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch khác của vùng.

- Đẩy mạnh việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo (chủ yếu là điện năng lượng mặt trời) và xem xét phát triển thêm nguồn năng lượng sinh khối, năng lượng từ rác thải, góp phần tăng nguồn cung cấp năng lượng tại chỗ, giảm tổn thất trong truyền tải, góp phần giảm nhu cầu sử dụng năng lượng hóa thạch trong sản xuất điện, giảm phát thải CO₂ ra môi trường.

5.3. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Đảm bảo công tác cung cấp nước sạch từ nguồn nước mặt đạt chất lượng, lưu lượng và cột áp để đảm bảo sức khỏe của người dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bảo vệ nguồn nước ngầm, chuyển nước ngầm thành nguồn nước dự trữ và hạn chế hiện tượng sụt lún nền đất do khai thác nước ngầm quá mức.

- Phân đấu toàn tỉnh Đồng Tháp luôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn chất lượng theo quy định. Đồng thời, hướng đến giám sát chất lượng nước một cách liên tục (quan trắc online) và công khai kết quả giám sát chất lượng nước. Hướng tới quản lý công tác cấp nước đồng bộ, hiệu quả, chủ động, kịp thời và công khai.

- Tiếp tục nâng cấp các nhà máy nước tại các đô thị, tiếp tục nâng cấp các trạm nông thôn tập trung phát triển mạng lưới đường ống phân phối để đáp ứng nhu cầu dùng nước của người dân.

- Tăng tỉ lệ người dân sử dụng nước sạch, phấn đấu 100% người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được tiếp cận nguồn nước sạch đạt chất lượng.

- Ưu tiên tiếp tục đầu tư nâng cấp mở rộng phạm vi cấp nước đối với công trình hoạt động tốt, chất lượng nguồn nước đảm bảo đủ điều kiện, mở rộng phạm vi cấp nước cho các xã lân cận.

5.4. Phương án phát triển mạng lưới thoát nước

5.5. Phương án phát triển thủy lợi

- Xây dựng hệ thống công trình giảm áp lực lũ qua đường tuần biên, khu vực Tứ Thường kết hợp hệ thống đê bao kiểm soát lũ, công trình chống và bảo vệ sạt lở bờ sông; nâng cấp hệ thống công trình dẫn lũ sang sông Vàm Cỏ, sông Tiền; nâng cấp hệ thống kênh nối sông Tiền - sông Hậu;

- Xây dựng hệ thống hồ trữ nước ngọt kết hợp các khu sinh thái tự nhiên; hệ thống đê bao kiểm soát lũ, hệ thống công trình chống và bảo vệ sạt lở bờ sông; hệ thống quan trắc, vận hành phục vụ Nông nghiệp 4.0.

Đầu tư xây dựng hệ thống hồ trữ nước ngọt kết hợp các khu sinh thái tự nhiên và hệ thống quan trắc, vận hành phục vụ Nông nghiệp 4.0.

5.6. Phương án phát triển thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số; hạ tầng bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, thương mại điện tử.

- Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của Tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới. Tăng cường chất lượng, độ tin cậy khi truy cập, sử dụng các dịch vụ Internet phục vụ phát triển hạ tầng số, chính quyền số, chuyển đổi số một cách an toàn, tin cậy.

- Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển Internet kết nối vạn vật (IoT), ưu tiên các lĩnh vực ứng dụng chính phục vụ chuyển đổi số như: Y tế, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp thông minh.

- Thúc đẩy việc triển khai chương trình “Mỗi hộ gia đình một đường cáp quang” và “Mỗi người dân một máy smartphone”. Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao và hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G và thế hệ tiếp theo...) tới hộ gia đình, mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

- Cắt giảm, tái cấu trúc, đơn giản hóa các thủ tục hành chính dựa trên việc sử dụng dữ liệu dùng chung. Cơ quan nhà nước tổ chức, hoạt động, vận hành, thực hiện chức năng, nhiệm vụ dựa trên dữ liệu và công nghệ số. Ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển các nền tảng chuyển đổi số tỉnh, dữ liệu số tỉnh, các ứng dụng, dịch vụ quy mô cấp tỉnh, nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ số cốt lõi phục vụ chính quyền số.

- Xây dựng mới khu công nghệ thông tin tập trung đồng bộ với phát triển đô thị, dịch vụ, phân bố dân cư và nhà ở; có khả năng thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

6. Phương án phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Phương án phát triển hạ tầng văn hoá, thể thao

a. Văn hoá

- Cấp Tỉnh: hoàn thiện, tu bổ, nâng cấp trang thiết bị cho các thiết chế Văn hóa hiện có nhằm phục vụ tốt hơn nữa quần chúng nhân dân. Ứng dụng các thành tựu công nghệ vào các lĩnh vực bảo tàng, thư viện (thư viện số).

- Cấp Huyện: hoàn thiện, nâng cấp trang thiết bị cho 12 Trung tâm Văn hóa – Thể thao – Truyền thông tại 12 huyện, thành phố trên địa bàn Tỉnh. Đảm bảo 12/12 đơn vị cấp huyện có Thư viện huyện kèm trang thiết bị và cơ

sở vật chất đầy đủ phục vụ nhu cầu của người dân. Tiếp tục tiến hành số hóa dữ liệu tại các Thư viện.

- Cấp Xã: Đảm bảo 143/143 xã có Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng (TTVH – HTCD) được xây dựng, cải tạo nâng cấp đạt chuẩn theo quy định của Bộ VHTTDL.

b. Thể thao

- Duy tu, bảo dưỡng các công trình hiện có tại khu Liên hợp TDTT tỉnh, phủ nhựa tổng hợp đường chạy điền kinh, cải tạo nâng cấp mặt cỏ các sân Bóng đá Cao Lãnh, An Bình, Trường năng khiếu, Hồ bơi. Xây dựng cụm sân quần vợt trong nhà và ngoài trời, nhà tập luyện môn bóng bàn, bida và mua sắm trang thiết bị phòng hồi phục thể lực vận động viên, nâng cấp các công trình TDTT tại khu Liên hợp TDTT Tỉnh, công trình TDTT cấp huyện, xã.

6.2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Tăng cường chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia các trường (nhất là ở hệ mầm non và tiểu học) thông qua việc ưu tiên xã hội hóa vốn đầu tư nhằm thúc đẩy tỉ lệ kiên cố hóa trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất.

- Đặc biệt, hệ đại học cần thúc đẩy liên kết với các trường đối tác trong và ngoài nước nhằm học hỏi cách đầu tư hiệu quả theo mô hình quốc tế nhằm phục vụ cho định hướng đào tạo kinh tế theo ngành chuyên sâu.

6.3. Phương án phát triển hạ tầng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

- Tập trung phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo ngành nghề trọng điểm của Tỉnh, nâng cao chất lượng đào tạo có khả năng cung ứng dịch vụ đào tạo; thu hút đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực; nâng cấp trung tâm giáo dục nghề nghiệp tại một số địa phương có khu kinh tế trọng điểm của Tỉnh; đầu tư các ngành, nghề trọng điểm.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được phân bố theo trọng điểm của khu vực trọng điểm của Tỉnh, trong đó các trường cao đẳng tập trung ở thành phố Cao Lãnh, các trường trung cấp và các trung tâm chủ yếu tập trung ở các huyện; số lượng thiết bị theo quy mô và cấp trình độ đào tạo tương ứng theo quy định. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng đủ tiêu chuẩn.

- Nâng cấp các Trung tâm giáo dục thường xuyên tương đương với các trường THPT trên địa bàn cấp tỉnh và cấp huyện, có năng lực giáo dục và dạy nghề đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập và đào tạo nghề. Thực hiện liên thông về giáo dục và đào tạo giữa các Trung tâm giáo dục thường xuyên với các trường THPT và các cơ sở đào tạo khác.

6.4. Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Đồng Tháp từng bước hiện đại, hoàn chỉnh, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

Phấn đấu để mỗi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, giảm tỉ lệ mắc bệnh và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực.

- Mục tiêu đến năm 2030 phấn đấu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. Bên cạnh đó, toàn tỉnh đạt 32 giường bệnh, 11 bác sĩ, $\geq 3,04$ dược sĩ đại học, 26 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỉ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%.

6.5. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các khu vực khó khăn; củng cố cơ sở hạ tầng đường bộ nông thôn, tạo kết nối với mạng lưới đường bộ chính, tạo điều kiện tiếp cận tới các thị trường.

- Phát triển mạng lưới cơ sở Bảo trợ xã hội trên địa bàn Tỉnh đảm bảo phù hợp về số lượng, quy mô, cơ cấu, loại hình cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

- Đầu tư nâng cấp Trung tâm điều dưỡng Người có công để đảm bảo tốt năng lực điều dưỡng người có công theo quy định. Tập trung sửa chữa, cải tạo các công trình ghi công liệt sĩ khang trang, sạch đẹp.

- Tổ chức các hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em, xây dựng các mô hình tư vấn, hỗ trợ trẻ em để trẻ em tiếp cận được sự trợ giúp. Nâng cao chất lượng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế nhằm hỗ trợ và trị liệu tâm lí cho trẻ em.

7. Phương án phát triển vùng liên huyện

7.1. Vùng trung tâm: Chuỗi đô thị và hành lang kinh tế sông Tiền

Vùng trung tâm liên kết không gian giữa thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, các thị trấn huyện lỵ và chuỗi đô thị thuộc các huyện: Thanh Bình, Cao Lãnh, Lấp Vò, Châu Thành. Vùng trung tâm là trục động lực phát triển kinh tế - đô thị chiến lược của tỉnh Đồng Tháp, tạo ra các chuỗi giá trị đô thị có quan hệ hữu cơ chặt chẽ với các vùng sản xuất và nông thôn.

7.2. Vùng phía Bắc: Vùng kinh tế biên giới thượng nguồn sông Tiền

Vùng phía Bắc liên kết không gian giữa thành phố Hồng Ngự, các thị trấn huyện lỵ của huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng và vùng kinh tế cửa khẩu phía Bắc tỉnh Đồng Tháp. Vùng phía Bắc có vị trí đặc biệt quan trọng: là cửa ngõ của sông Mekong đi vào đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời là điểm khởi đầu của ba cung kinh tế chủ đạo ven sông Hậu, ven sông Tiền và Đồng Tháp Mười. Vị trí này định vị cho vùng phía Bắc vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế của tỉnh Đồng Tháp nói riêng và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung, nắm giữ vai trò quan trọng và tiên phong trong liên kết và hợp tác liên vùng.

7.3. Vùng phía Tây Nam: Vùng kinh tế hậu cần ven sông Hậu

Vùng phía Tây Nam liên kết không gian vùng các huyện phía Nam tỉnh Đồng Tháp (huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, huyện Châu Thành). Với vị thế điểm giao giữa trục đường bộ quốc gia N2 và trục đường thủy quốc gia theo sông Hậu, vùng phía Tây Nam đóng vai trò là đầu mối hạ tầng, dịch vụ cấp vùng quan trọng, giúp kết nối hoàn thiện các chuỗi giá trị cho tỉnh Đồng Tháp nói riêng và cụm đô thị trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

7.4. Vùng phía Đông Bắc: Vùng kinh tế sinh thái nông nghiệp trung tâm Đồng Tháp Mười

Vùng phía Đông Bắc liên kết tổng thể không gian vùng nội địa phía Bắc tỉnh Đồng Tháp, bao gồm các huyện Tân Hồng, huyện Tam Nông, huyện Thanh Bình, huyện Cao Lãnh, huyện Tháp Mười. Với vị trí cửa ngõ kết nối với Long An và Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vùng có nhiều dư địa phát triển, nhiều lợi thế trở thành vùng sản xuất nông nghiệp đổi mới thích ứng cao, vườn ươm cho những giá trị phát triển bền vững trong tương lai.

8. Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn

8.1. Các khu vực phát triển đô thị

- Chuỗi đô thị ven sông Tiền (chuỗi đô thị trung tâm) bao gồm thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc; hệ thống đô thị phía Tây các huyện Tam Nông, huyện Thanh Bình; phía Nam huyện Cao Lãnh; phía Bắc các huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, huyện Châu Thành. Chuỗi đô thị này gắn với các trục cao tốc Hồng Ngự - Cao Lãnh – Trà Vinh, QL N2, QL30, Đường ven sông Tiền, QL80; với thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc là đô thị trung tâm tiểu vùng.

- Tiểu vùng đô thị biên giới (chuỗi đô thị phía Bắc) bao gồm thành phố Hồng Ngự và hệ thống đô thị thuộc các huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng. Tiểu vùng đô thị phía Bắc gắn với điểm đầu của tuyến cao tốc Hồng Ngự - Cao Lãnh – Trà Vinh, QL N1 và hệ thống cửa khẩu đường bộ, đường thủy phía Bắc tỉnh Đồng Tháp; với thành phố Hồng Ngự là đô thị trung tâm tiểu vùng.

- Tiểu vùng đô thị ven sông Hậu (chuỗi đô thị phía Tây Nam) bao gồm hệ thống đô thị phía Tây các huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, huyện Châu Thành. Tiểu vùng đô thị phía Tây Nam gắn với QL N2, hành lang kinh tế công nghiệp – hậu cần ven sông Hậu; với thị trấn Lấp Vò là đô thị trung tâm tiểu vùng.

- Tiểu vùng đô thị trung tâm Đồng Tháp Mười (chuỗi đô thị phía Đông Bắc) bao gồm hệ thống đô thị phía Đông các huyện Tân Hồng, huyện Tam Nông, phía Bắc huyện Cao Lãnh, và huyện Tháp Mười. Tiểu vùng đô thị phía Đông Bắc gắn với QL N2; với thị trấn Mỹ An là đô thị trung tâm tiểu vùng.

8.2. Phương án phát triển mạng lưới đô thị

- Đến năm 2025, toàn tỉnh có 32 đô thị, gồm: 02 đô thị loại II (thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc); 01 đô thị loại III (thành phố Hồng Ngự);

04 đô thị loại IV (thị trấn Mỹ An, thị trấn Lấp Vò, thị trấn Mỹ Thọ, thị trấn Cái Tàu Hạ - Nha Môn); 25 thị trấn là đô thị loại V (14 đô thị hiện có: Tràm Chim, Lai Vung, Thanh Bình, Sa Rài, Thường Thới Tiền, Trường Xuân, Mỹ Hiệp, Vĩnh Thạnh, Định Yên, Tân Thành, An Long, Tân Khánh Trung, Mỹ An Hưng B, Dinh Bà; 11 đô thị thành lập mới gồm: Phương Trà, Thanh Mỹ, Đốc Binh Kiều, Mỹ Hòa, Phong Hòa, Tân Dương, Bình Thành, Giồng Găng, Thường Phước, Long Khánh B, Tân Phú Trung).

- Đến năm 2030, toàn tỉnh có 45 đô thị, gồm: 02 đô thị loại I (thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc); 01 đô thị loại II (thành phố Hồng Ngự); 01 đô thị loại III (thị trấn Mỹ An); 08 đô thị loại IV (thị trấn Lấp Vò, thị trấn Mỹ Thọ, thị trấn Cái Tàu Hạ - Nha Môn, thị trấn Tràm Chim, thị trấn Lai Vung, thị trấn Thanh Bình, thị trấn Sa Rài, thị trấn Thường Thới Tiền); 33 thị trấn là đô thị loại V (09 đô thị hiện có: Trường Xuân, Mỹ Hiệp, Vĩnh Thạnh, Định Yên, Tân Thành, An Long, Tân Khánh Trung, Mỹ An Hưng B, Dinh Bà; 24 đô thị thành lập mới gồm: Phương Trà, Mỹ Long, An Bình, Gáo Giồng, Thanh Mỹ, Đốc Binh Kiều, Mỹ Hòa, Phú Điền, Mỹ Quý, Tân Mỹ, Long Hưng A, Bình Thành, Phú Thành A, Hoà Bình, Phong Hòa, Tân Dương, Bình Thành, An Phong, Tân Thạnh, Tân Mỹ, Giồng Găng, Thường Phước, Long Khánh B, Tân Phú Trung). Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 48%.

9. Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó Biến đổi khí hậu

9.1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

Phân vùng môi trường tỉnh Đồng Tháp (bao gồm vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác) theo định hướng quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được đề xuất như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm các khu bảo tồn thiên nhiên ở cấp quốc gia và cấp địa phương, các vùng sinh thái và các khu vực có các yếu tố, đối tượng nhạy cảm đặc biệt khác cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể: Vườn Quốc gia Vàm Chim (Tam Nông), khu di tích lịch sử Xẻo Quýt (huyện Cao Lãnh, khu di tích lịch sử Gáo Giồng (huyện Cao Lãnh) và khu di tích Gò Tháp (huyện Tháp Mười).

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm vùng đệm của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng thuộc khu di sản thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực có đa dạng sinh học cao, hệ sinh thái rừng tự nhiên quan trọng, khu vực có khả năng ô nhiễm cao cần được bảo vệ, cụ thể các vùng như sau: Vùng đệm Vườn Quốc gia Vàm Chim, 82 di tích văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, các khu vực làng nghề truyền thống kết hợp phục vụ tham quan du lịch, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và các khu đô thị loại V trở lên như: thành phố Cao Lãnh, thành phố Hồng Ngự, các đô thị huyện lỵ của các huyện,...

- Vùng bảo vệ khác: các vùng còn lại trên địa bàn quản lý.

9.2. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với Biến đổi khí hậu

a. Đối với bão, áp thấp nhiệt đới

- Tổ chức đưa người dân được sơ tán, di dời trước khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ về lại nơi ở cũ an toàn.

- Triển khai ngay các phương án, kế hoạch tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn kịp thời khắc phục hậu quả sau bão.

- Tổ chức các lực lượng, tình nguyện giúp nhân dân sửa chữa, xây dựng lại nhà ở, đảm bảo an ninh, trật tự và tài sản của nhân dân, doanh nghiệp, nhà nước trong vùng bị ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới với phương châm “Bốn tại chỗ”.

- Tổ chức cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thăm hỏi, động viên và hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại.

- Tổ chức triển khai thống kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo Ban chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi Khí hậu - Phòng, Chống Thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp.

b. Đối với dông lốc, sét

- Thống kê, đánh giá tình hình thiệt hại do dông lốc, sét gây ra. Báo cáo, đề xuất hỗ trợ các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại theo quy định.

- Điều động, lực lượng khắc phục hậu quả do dông lốc, sét gây ra.

- Tổ chức cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thăm hỏi, động viên và hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại.

c. Đối với lũ lụt, mưa lớn

- Tập trung mọi phương tiện, nhân lực chủ động xử lý các sự cố xảy ra theo phương châm “Bốn tại chỗ”, khẩn trương tìm kiếm người mất tích (nếu có).

- Kiểm tra, rà soát khu vực nguy hiểm, có nguy cơ sạt lở đất cao phải khẩn trương di dời nhà cửa, bố trí người dân đến nơi ở an toàn, tiếp tục triển khai Chương trình “Cụm, tuyến dân cư đề bố trí tái định cư cho các hộ dân khu vực bị sạt lở và vùng ngập lũ”.

- Tổ chức thăm hỏi, động viên, hỗ trợ vật chất và tinh thần cho các gia đình có người bị thiệt hại.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các địa phương tiến hành xử lý, gia cố các đoạn đê bao, bờ bao bị sạt lở (nếu có).

d. Đối với sạt lở bờ sông

- Tổ chức cắm biển cảnh báo những vị trí xung yếu, thường xuyên bị sạt lở trên địa bàn Tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan chủ trì, phối hợp địa phương tiến hành xử lý, gia cố đoạn đê bao, bờ bao bị sạt lở.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp Sở Tài chính lập dự toán kinh phí đầu tư sửa chữa, khắc phục sạt lở; trình UBND Tỉnh xin chủ trương thực hiện.

e. Đối với hạn hán, xâm nhập mặn

- Thành lập đoàn công tác phối hợp với các ngành chức năng và địa phương tổ chức kiểm tra nguyên nhân gây xâm nhập mặn, từ đó có biện pháp xử lý, khắc phục, đồng thời đánh giá mức độ thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn gây ra (nếu có) và thực hiện công tác hỗ trợ theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp Sở Tài Chính, UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp, UBND huyện, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai công tác khắc phục hậu quả, hỗ trợ người dân bị thiệt hại theo quy định.

10. Phương án sử dụng đất đến năm 2030

- Đến năm 2030: diện tích đất nông nghiệp 267.480,9 ha, giảm 9.567,9 ha so với hiện trạng năm 2020, diện tích giảm được chuyển sang đất phi nông nghiệp. Diện tích đất phi nông nghiệp có diện tích 70.747,0 ha, tăng 9.567,9 ha so với hiện trạng năm 2020, diện tích tăng được chuyển từ đất nông nghiệp phục vụ nhu cầu phát triển của địa phương.

- Đến năm 2050: diện tích đất nông nghiệp 254.146,0 ha, giảm 13.334,9 ha so với năm 2030. Diện tích đất phi nông nghiệp có diện tích 84.081,9 ha, tăng 13.334,9 ha so với năm 2030.

11. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Danh mục dự án đầu tư công, dự án ưu tiên thu hút đầu tư được xác định theo phương án phát triển các ngành, lĩnh vực, phân kỳ đầu tư làm cơ sở triển khai, huy động nguồn lực thực hiện.

12. Các giải pháp chủ yếu thực hiện Quy hoạch

12.1. Về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút đầu tư

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hoá. Huy động nguồn lực đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thuỷ lợi, điện, khu, cụm công nghiệp, đô thị và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội. Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tập trung thu hút phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông, thủy sản tỉnh có lợi thế cạnh tranh; các ngành mũi nhọn như: công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ,...

12.2. Giải pháp về chuyển đổi số

- Thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh về chuyển đổi số, trước mắt là trong hệ thống chính trị, tập trung xây dựng chính quyền điện tử,

tiến tới chính quyền số, xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội; thanh toán không dùng tiền mặt,...

- Nâng cao nhận thức về phát triển nền kinh tế số, qua đó có sự chuẩn bị tốt nhất cho thích ứng với xu hướng phát triển mới này. Xây dựng chiến lược về chuyển đổi số, kinh tế số của tỉnh, khuyến khích cái mới. Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng số, phát triển sản xuất nội dung số,...

12.3. Phát triển và cung ứng nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo phương án quy hoạch, tạo đột phá về các lĩnh vực và quy mô đào tạo. Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động, triển khai đào tạo theo hình thức đặt hàng.

12.4. Nhóm giải pháp về môi trường

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh.

12.5. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển: cơ chế, chính sách vùng động lực; chính sách, hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng; chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn; chính sách, quy định phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường; chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa...

- Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Nâng cao tính năng động, tiên phong, quyết tâm trong thực thi công vụ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác.

12.6. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử

dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công cụ tài chính kinh tế đất, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra ngoài trung tâm các đô thị. Rà soát có quy hoạch cụ thể, tính toán giao quỹ đất phù hợp trên nguyên tắc tiết kiệm, tránh lãng phí tài nguyên đất; đồng thời bảo đảm hiệu quả kinh tế.

12.7. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển

Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Chương trình hành động của tỉnh về công tác nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chồng chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

12.8. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về Quy hoạch theo hướng đồng bộ.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch hành động thực hiện hành động, xây dựng các chương trình, dự án xây dựng chính sách, đánh giá và huy động nguồn lực để đảm bảo việc thực hiện quy hoạch có hiệu quả. Định kỳ 05 năm tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng thời kỳ, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế. Các cấp, các ngành và UBND cấp Huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm phù hợp với Quy hoạch được duyệt.

Trên đây là dự thảo Nghị quyết thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kính trình Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- TT/HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Lưu: VT+NC/ĐTXD.nbht

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa